

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/DS-PT
Ngày 14 - 5 - 2025
V/v tranh chấp đòi quyền
sử dụng đất và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1952. Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị Lâm Thị K, sinh năm 1985 và anh Trương Quốc V, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà B Lê Thị P, sinh năm 1959.

2. Chị Lâm Ngọc H, sinh năm 1992.

3. Anh Lâm Thanh T1, sinh năm 1989

4. Chị Thị T2, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V là bị đơn.

(Ông T, chị K, anh V có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lâm Thanh T trình bày: Đất này là của ông Lâm Thanh T và vợ sau là bà Lê Thị P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không thể chấp cho cá nhân hay tổ chức tín dụng nào. Ông Lâm Thanh T và bà Lê Thị P sống ly thân trên 20 năm nhưng không ly hôn. Năm 2017, do đơn chiếc tuổi già nên ông Lâm Thanh T có gọi con gái Lâm Thị K (con với người vợ trước) và con rể Trương Quốc V về đất này ở. Khi đó trên đất có căn nhà cũ của ông Lâm Thanh T nên tháo dỡ ra. Chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V cất nhà mới trên đất này để ông Lâm Thanh T ở cùng. Ý định ông Lâm Thanh T là về già có con chăm sóc. Tuy nhiên sau khi căn nhà hoàn thành được vài tháng thì chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có ý định đuổi ông Lâm Thanh T đi nên tìm cách gây mâu thuẫn với ông Lâm Thanh T, cuối cùng do không chịu đựng được nên ông Lâm Thanh T rời đi và ở nhờ nhà người khác.

Lúc xây dựng nhà chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V còn thiếu nợ tiền vật liệu nên yêu cầu ông Lâm Thanh T lấy 01 công đất ruộng tằm cây để cầm cố cho em gái ông Lâm Thanh T là bà Lâm Thị V1 để lấy 10.000.000đ cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V mượn. Năm 2019, anh Lâm Thanh T1 (con trai ông Lâm Thanh T với người vợ trước) và con dâu là chị Thị T2 ra tiền chuộc lại đất bà V1 nên anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2 đang sử dụng đất. Khi cho mượn đất và cầm cố quyền sử dụng đất, ông Lâm Thanh T không hỏi ý kiến của bà Lê Thị Phi.

Ông Lâm Thanh T yêu cầu Tòa án buộc Lâm Thị K và Trương Quốc V tháo dỡ nhà trả lại phần đất ở đô thị diện tích khoảng 300m², nếu chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V để nhà ông Lâm Thanh T sử dụng ở thì ông đồng ý trả cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V 100.000.000đ. Đồng thời, buộc chị Lâm Thị K và Trương Quốc V trả lại ông 10.000.000đ để ông chuộc lại đất đã cầm cố cho anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không cung cấp lời khai. Tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Ủy ban nhân dân thị trấn N cung cấp, chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có cung cấp “Tờ tường trình” không ghi ngày tháng năm. Trong “Tờ tường trình” chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V xác định trước đây anh chị có căn nhà ở ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V được ông Lâm Thanh T gọi về phần đất đang tranh chấp để cất nhà ở nhằm phụng dưỡng ông Lâm Thanh T tuổi già. Tin lời ông Lâm Thanh T nên chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V rời bỏ nhà cũ về phần đất này cất nhà để ở cùng với ông Lâm Thanh T, khi cất nhà ông Lâm Thanh T phụ giúp ngày công để hoàn thành căn nhà. Sau đó chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V nhiều lần gọi ông T chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị K và anh V nhưng ông Lâm Thanh T không thực hiện. Tuy nhiên sống chung được khoảng vài tháng do ông Lâm Thanh T khó khăn và hay chửi chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, cuối cùng ông Lâm Thanh T bỏ nhà đi. Nay chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V không đồng ý di dời chỗ ở vì anh chị không có chỗ ở nào khác và ban đầu ông Lâm Thanh T tự nguyện gọi anh chị về cất nhà ở do đó lỗi hoàn toàn thuộc về ông Lâm Thanh T. Đối với số tiền 10.000.000 đồng trong Biên bản hòa giải ngày 03/6/2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N chị Lâm Thị K có

ý kiến không có tiền chuộc lại đất mà ông Lâm Thanh T đã cầm cố cho bà Lâm Thị V1 vì chị Lâm Thị K không có cầm cố đất cho bà Lâm Thị V1 nhưng chị Lâm Thị K thừa nhận có mượn của ông Lâm Thanh T 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P trình bày và ý kiến giống như phần trình bày và ý kiến của nguyên đơn ông Lâm Thanh T. Bà Lê Thị P có kiến thêm do ông Lâm Thanh T tự ý cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V cất nhà trên đất là tài sản chung của hai vợ chồng nên ông Lâm Thanh T tự ra tiền trả lại giá trị nhà cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lâm Ngọc H trình bày: Chị Lâm Ngọc H là con gái của ông Lâm Thanh T và bà Lê Thị Phi . Nay chị trình bày và ý kiến giống như phần trình bày và ý kiến của bà Lê Thị Phi . Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2 trình bày: Trước đây bà Lâm Thị V1 có nhận cầm cố 01 công đất tằm cây của ông Lâm Thanh T. Thấy vậy anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2 xuất ra 10.000.000 đồng để chuộc lại đất này. Nay anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2 có ý kiến khi nào ông Lâm Thanh T có đủ 10.000.000 đồng thì anh Lâm Thanh T1 và chị Thị T2 cho chuộc lại đất. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Thanh T: Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho Ông Lâm Thanh T, bà Lê Thị P và chị Lâm Ngọc H phần đất qua đo đạc thực tế 385,8m² thuộc thửa 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 87,7 m² và thửa 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 298,1 m² do hộ ông Lâm Thanh T và vợ bà Lê Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V được quyền lưu cư trong hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Buộc ông Lâm Thanh T phải hoàn trả giá trị căn nhà và các vật kiến trúc cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V tổng số tiền 139.060.000 đồng.

4. Ông Lâm Thanh T được quyền quản lý sử dụng một căn nhà chính có chiều ngang 4,5m, dài 12m, có kết cấu: cột bê tông cốt thép, mái thiếc, vách thiếc, đỡ mái bằng cây gỗ địa phương, nền lát gạch hoa, trần không la phong, móng không có đóng cừ; Một căn nhà phụ gắn liền nhà chính ngang 7m và dài 4m kết cấu nền đất, vách thiếc, mái thiếc, khung sườn cột cây gỗ địa phương; Một hành lang ngang 2,5m nền láng xi măng, cột bê tông cốt thép, đỡ mái cây gỗ địa phương, mái thiếc, dài 12m.

5. Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Thanh T 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 01 năm 2024, bị đơn chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V kháng cáo xem xét, giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thanh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V, giữ nguyên Bản dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V nộp trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào các Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị P, chị Lâm Thị H1, anh Lâm Thanh T1, chị Thị T2 có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đương sự.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thanh T, nhận thấy:*

[2.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả quyền sử dụng đất được xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/01/2021 (bút lục số 50 – 53) và Mảnh trích đo địa chính số 86-2021 ngày 17/12/2021 (bút lục số 56 – 57) có diện tích 385,8m² tại vị trí thửa đất số 1 theo tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thu H2, cạnh dài 31,3 m;
- Hướng Tây giáp phần đất ông Danh S, cạnh dài 29,7 m;
- Hướng Nam giáp đường nhựa, cạnh dài 12,8 m;
- Hướng Bắc giáp phần đất ông Lâm Thanh N, cạnh dài 12,4 m.

Theo hồ sơ địa chính thị trấn N thành lập năm 2006: Thửa số 1, diện tích 385,8 m²: Nằm trong thửa 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 87,7 m² do hộ ông Lâm Thanh T và vợ bà Lê Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nằm

trong thửa 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 298,1 m² do hộ ông Lâm Thanh T và vợ bà Lê Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Hiện trạng thửa đất tranh chấp có: 01 (một) căn nhà chính có chiều ngang 4,5m, chiều dài 12m, diện tích 54m². Kết cấu: cột bê tông cốt thép, mái thiếc, vách thiếc, đỡ mái bằng cây gỗ địa phương, nền lát gạch hoa, trần không la phong, móng không có đóng cừ; 01 (một) nhà phụ gắn liền nhà chính chiều ngang 7m, chiều dài 4m, diện tích 28m². Kết cấu: nền đất, vách thiếc, mái thiếc, khung sườn cột cây gỗ địa phương; 01 (một) hành lang chiều ngang 2,5m, chiều dài 12m, diện tích 30m², nền láng xi măng, cột bê tông cốt thép, đỡ mái cây gỗ địa phương, mái thiếc. Tất cả các vật kiến trúc này do chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V xây dựng. Ngoài ra, còn có một số vật dụng như: 01 đồng hồ nước; 01 cây nước ống nhựa 49; 01 đồng hồ điện; 09 cây cau kiểng. Tất cả các vật kiến trúc và cây trồng này là của ông Lâm Thanh T.

[2.3] Về giá trị đất, tài sản tranh chấp được Hội đồng định giá tiến hành định giá theo Biên bản lập ngày 03/3/2023 (bút lục số 68 – 69) xác định: Về giá trị đất có giá 350.000 đồng/m² x 385,8 m² = 135.030.000 đồng; Về giá trị tài sản gắn liền với đất do chị K, anh V xây dựng gồm: Nhà chính diện tích 54m² x 1.750.000 đồng = 94.500.000 đồng; nhà phụ diện tích 28m² x 820.000 đồng = 22.960.000 đồng; hành lang diện tích 30m² x 720.000 đồng = 21.600.000 đồng. Tổng cộng 139.060.000 đồng. Về giá trị tài sản gắn liền với đất do ông T xây dựng gồm: đồng hồ nước có giá 380.000 đồng; cây nước giá 5.670.000 đồng; đồng hồ điện có giá 850.000 đồng; 09 cây cau kiểng có giá 120.000 đồng/cây x 09 = 1.080.000 đồng. Tổng cộng 7.980.000 đồng.

[2.4] Nhận thấy, qua phần trình bày và thừa nhận của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Diện tích đất 385,8 m² có nguồn gốc là của ông T và phần đất tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 87,7 m² và tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 298,1 m² do hộ ông Lâm Thanh T và vợ bà Lê Thị P đứng tên. Như vậy, phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T, bà P như áp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Ông T đồng ý cho chị K, anh V xây dựng nhà mà không thông báo cũng như không có sự đồng ý của bà P là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà P là phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, chị K, anh V cho rằng ông T đã tặng cho đất nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn là ông T không thừa nhận có tặng cho đất anh V, chị K. Mặt khác, theo quy định của pháp luật quy định về việc tặng cho quyền sử dụng đất phải lập thành văn bản, có sự xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và phải thực hiện thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất mới được pháp luật công nhận. Như phân tích ở trên, bị đơn trình bày diện tích đất tranh chấp do nguyên đơn tặng cho nhưng không chứng minh được, giai đoạn phúc thẩm cũng không cung cấp chứng cứ khác nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, chị K, anh V phải có nghĩa vụ giao trả quyền sử dụng đất cho ông T. Tuy nhiên, do căn nhà gắn liền với đất không thể di dời và ông T đồng ý hoàn trả giá trị tài sản lại cho chị K, anh V nên cấp sơ thẩm buộc ông T hoàn trả giá trị nhà, các tài sản khác cho chị K, anh V là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Lâm Thị K, anh Trương Quốc V; đề nghị của Kiểm sát viên là

phù hợp nên chấp nhận. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 28/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: chị K, anh V phải chịu theo quy định do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 212 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Thanh T đối với chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V.

2. Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho Ông Lâm Thanh T, bà Lê Thị P và chị Lâm Ngọc H phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 385,8 m². Trong đó: Nằm trong thửa 289, tờ bản đồ số 11, diện tích 87,7 m²; Nằm trong thửa 294, tờ bản đồ số 11, diện tích 298,1 m² do hộ ông Lâm Thanh T và vợ bà Lê Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và kích thước như sau:

- Hướng Đông – giáp phần đất bà Nguyễn Thu H2, cạnh dài 31,3 m.
- Hướng Tây – giáp phần đất ông Danh S, cạnh dài 29,7 m.
- Hướng N1 – giáp đường nhựa, cạnh dài 12,8 m.
- Hướng Bắc – giáp phần đất ông Lâm Thanh N, cạnh dài 12,4 m.

(Mảnh trích đo địa chính số 86 - 2021 ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là bộ phận không thể tách rời của Bản án).

3. Chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V được quyền lưu cư trong hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Buộc ông Lâm Thanh T phải hoàn trả giá trị căn nhà và các vật kiến trúc cho chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V tổng số tiền 139.060.000 đồng (*một trăm ba mươi chín ngàn không trăm sáu mươi ngàn đồng*).

5. Ông Lâm Thanh T được quyền quản lý, sử dụng: 01 (một) căn nhà chính có chiều ngang 4,5m, chiều dài 12m, diện tích 54m². Kết cấu: cột bê tông cốt thép, mái thiếc, vách thiếc, đỡ mái bằng cây gỗ địa phương, nền lát gạch hoa, trần không la phong, móng không có đóng cừ; 01 (một) nhà phụ gắn liền nhà chính chiều ngang 7m, chiều dài 4m, diện tích 28m². Kết cấu: nền đất, vách thiếc, mái thiếc,

khung sườn cột cây gỗ địa phương; 01 (một) hành lang chiều ngang 2,5m, chiều dài 12m, diện tích 30m², nền láng xi măng, cột bê tông cốt thép, đỡ mái cây gỗ địa phương, mái thiếc

6. Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Thanh T 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

7. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi hết 5.000.000đ nên buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V chịu toàn bộ. Ông Lâm Thanh T đã dự nộp 5.000.000đ buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V phải trả lại cho ông Lâm Thanh T 5.000.000đ.

9. Về án phí:

9.1. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V phải chịu án phí số tiền 500.000 đồng.

9.2. Về án phí phúc thẩm: chị Lâm Thị K và anh Trương Quốc V phải chịu 300.000 đồng; chị K, anh V đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007448 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Giang Thị Cẩm Thúy

